

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2011 - 2012

Lớp Học : 34KT1

Học Kỳ : 2

Môn Học : Kế toán quản trị chi phí

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	3442010003	Thái Thị Ngọc Ánh	6						6						3	2		6.0	4.5	4.0		
2	3240000143	Dương Thị Thúy An	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
3	3442010007	Trương Thị Diễm	7						5						1	4		5.7	3.4	4.9		
4	3442010008	Lê Văn Diên	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
5	3442010022	Phùng Thị Hoàn	5						7						1	2		6.3	3.7	4.2		
6	3442010023	Mai Thị Hòa	5						5						1	3		5.0	3.0	4.0		
7	3340000033	Lê Thị Ngọc Khánh	5						5						0	1		5.0	2.5	3.0		
8	3340000043	Đặng Thúy Liễu	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
9	3442010023	Đặng Thị Linh	5						6						4	6		5.7	4.9	5.9		
10	3340000053	Lê Thùy Như	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
11	3442010033	Nguyễn Ngọc Như	8						7						2	4		7.3	4.7	5.7		
12	3340000055	Hồ Thị Oanh	4						8						1	3		6.7	3.9	4.9		Học lại
13	3442010053	Nguyễn Thu Thanh	6						7						3	5		6.7	4.9	5.9		
14	313KT0039	Lê Quang Nhật Tiến	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
15	3340000077	Nguyễn Minh Trang	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
16	3340000077	Trần Ngọc Bảo Trân	4						6						1	5		5.3	3.2	5.2		
17	3442010063	Võ Thị Tuyết	7						8						1	4		7.7	4.4	5.9		
18	3442010063	Nguyễn Mạnh Tú	4						7						0	2		6.0	3.0	4.0		
19	3442010073	Nguyễn Thị Tuyết Vân	4						5						4	1		4.7	4.4	2.9		

20	344201007	Võ Như Ý	7						6						1	4		6.3	3.7	5.2		
----	-----------	----------	---	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	---	---	--	-----	-----	-----	--	--

Tổng số: 20 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	0	0.00
Khá	0	0.00

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	6	30.00
Không đạt	14	70.00
Miễn thi	0.00	0.00

Giáo viên bộ môn

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	0	0.00

Tp. HCM, ngày tháng năm

Giáo Vụ Khoa